

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH D**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2022/HS-ST
Ngày: 07-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH D**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Nguyễn Long G.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh D tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai G - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Hồ Đình T, sinh năm 1990 tại N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm X, xã Q, huyện L, tỉnh N; chỗ ở: ấp 2, phường H, thị xã U, tỉnh D; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Đình H và bà Cao Thị A; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 đến nay, có mặt.

2. Lê Văn G, sinh năm 2002 tại Kiên G; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp K, xã S, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên G; nơi đăng ký tạm trú: khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh D; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Vũ và bà Nguyễn Thị Muội; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 đến nay, có mặt.

3. Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1990 tại E; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã V, huyện M, tỉnh E; nơi đăng ký tạm trú: khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh D; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn

H và bà Huỳnh Thị X; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 đến nay, có mặt.

4. Nguyễn Mộng F, sinh năm 1992 tại P; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường số 7, Khu phố 5, phường LX, thành phố TĐ, Thành phố P; nơi đăng ký tạm trú: khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh D; nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn NH và bà Trần Thị A; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 đến nay, có mặt.

5. Lương Văn B, sinh năm 2003 tại N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: bản C, xã L, huyện S, tỉnh N; nơi đăng ký tạm trú: khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh D; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Khơ Mú; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Pho P và bà Lương Mẹ P (đã chết); tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 đến nay, có mặt.

6. Nguyễn Văn D, sinh năm 1989 tại Đ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Dinh B, xã Tân Hộ C, huyện TH, tỉnh Đ; nơi đăng ký tạm trú: khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh D; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 đến nay, có mặt.

7. Thi O, sinh năm 1998 tại Kiên G; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp H, xã Vĩnh B, huyện T, tỉnh Kiên G; nơi đăng ký tạm trú: khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh D; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thi Văn T và bà Huỳnh Thị L; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 đến nay, có mặt.

8. Trần Văn S, sinh năm 1977 tại Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Trà Sát C, xã L, huyện C, tỉnh TR; nơi đăng ký tạm trú: khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh D; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị H1; có vợ là Thạch Thị Sa KH và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 đến nay, có mặt.

9. Lê Quốc L, sinh năm 1996 tại Trà Vinh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp CH, xã PH, huyện V, tỉnh TR; nơi đăng ký tạm trú: khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh D; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn NH và bà Võ Thị N; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 đến nay, có mặt.

10. Lê E, sinh năm 2000 tại N1; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 7, xã Đắc N'D, huyện S, tỉnh N1; nơi đăng ký tạm trú: khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh D; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 7/12; dân tộc:

Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1 và bà Lê Thị H2; có vợ là Hồ Thị Bích H3 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 đến nay, có mặt.

11. Tăng Văn K1, sinh ngày 29-4-2005 tại Sóc Trăng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp B, xã H4, huyện M, tỉnh S; nơi đăng ký tạm trú: khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh D; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 4/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tăng C và bà Châu Thị P1; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Tăng Văn K1:*

1. Ông Tăng C, sinh năm 1969, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp B, xã H4, huyện M, tỉnh S; nơi đăng ký tạm trú: khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh D, có mặt.

2. Bà Châu Thị P1, sinh năm 1971; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp B, xã H4, huyện M, tỉnh S; nơi đăng ký tạm trú: khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh D, vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Tăng Văn K1:* Ông Lê Văn M1 – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh D, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồ Đình T, Lê Văn G, Nguyễn Thanh Q, Nguyễn Mộng F, Lương Văn B, Nguyễn Văn D, Thi O, Tăng Văn K1, Lê Quốc L, Lê E, Trần Văn S và Phạm Văn Sang quen biết nhau do làm chung trong Công ty Trách nhiệm hữu hạn gổ YU XING VIỆT NAM (sau đây gọi tắt là Công ty) địa chỉ tại: Quốc lộ 13, khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh D. Đến khoảng tháng 8 năm 2021 do tình hình dịch Covid 19 diễn biến phức tạp nên công ty tổ chức cho công nhân ở lại làm việc tại công ty theo hình thức ba tại chỗ và bố trí cho công nhân ở trong khu vực xưởng gia công của công ty.

Đến khoảng 19 giờ 40 phút ngày 11 tháng 9 năm 2021, tại xưởng gia công của Công ty Nguyễn Mộng F, Lê Quốc L, Tăng Văn K1 và Lương Văn B rủ nhau đánh bài cào rùa thắng thua bằng tiền, Nguyễn Mộng F đã chuẩn bị hai bộ bài tây và trải một tấm bìa carton dưới sàn rồi tiến hành chơi. Khi đang chơi thì T, D, Sang, G, Quốc, Q, S và Thắng xin chơi cùng. Cách thức chơi như sau: Mỗi con bạc sẽ đặt ra 100.000 đồng cho một tụ (là một người chơi) sau đó người chia bài sẽ chia cho mỗi người chơi 03 lá bài rồi tiến hành tính điểm trên lá bài của mình người nào thắng sẽ được ăn hết tiền cược trên chiếu. Người nào thắng ván trước sẽ được chia bài ván tiếp theo. Về cách tính điểm được Q định:

- Các lá A, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 mỗi lá có số điểm tương ứng trên lá bài (riêng A được tính là 1 điểm). Đối với các lá bài tây hình người J, Q, K mỗi lá được tính 10 điểm;

- Lớn nhất là ba lá bài giống nhau tính theo thứ tự từ thấp nhất ba lá 222,...,KKK cao nhất là ba lá AAA;

- Tiếp theo là ba lá bài liền kề nhau tính theo thứ tự từ 1,2,3; 4,5,6...đến đây bài tây 9,10,J; J,Q,K cao nhất là Q,K,A;

- Tiếp theo là ba tây, tức có ba lá bài có hình ký hiệu J,Q,K không theo thứ tự liền kề nhau, như J,J,K;Q,Q,K...;

- Điểm số của người chơi trong mỗi ván là số lẻ của tổng điểm 03 lá bài. Ví dụ tổng 03 lá được 27 điểm thì được tính là 07 điểm (hay còn gọi là 07 nút). Nếu trong trường hợp người chơi được 10 điểm tức là 0 điểm (hay còn gọi là bù). Điểm số cao nhất là 09 nút.

Các bị cáo đánh bài đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì bị Đội Cảnh sát hình sự Công an huyện C bắt quả tang.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện đúng như Cáo trạng đã truy tố.

Theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 11-9-2021 của Đội Cảnh sát Hình sự Công an huyện C đã thu giữ các vật chứng sau:

Số tiền trên chiếu bạc là 36.050.000 đồng (Trong đó 1.200.000 đồng là số tiền cược của 12 con bạc mỗi người là 100.000 đồng, 34.850.000 là số tiền các con bạc dùng vào việc đánh bạc trên chiếu bạc; 02 bộ bài tây đã qua sử dụng và 01 tấm bìa carton bị cáo trải xuống dưới sàn để đánh bạc; Tạm giữ tiền trên người các đối tượng tham gia đánh bạc là 5.700.000 đồng (trong đó thu giữ của Hồ Đình T là 1.500.000 đồng và Nguyễn Văn D là 4.200.000 đồng).

Các bị cáo đã khai nhận: Hồ Đình T đem theo 11.500.000 đồng, T lấy 10.200.000 đồng để đánh bạc rồi thua 200.000 đồng. Thu giữ trên chiếu bạc tại chỗ ngồi của T là 10.200.000 đồng và 1.500.000 đồng trong người của bị cáo. Nguyễn Văn D đem theo 6.300.000 đồng sử dụng để đánh bạc D lấy 2.100.000 đồng khi bị bắt D thắng 500.000 đồng. Thu giữ trên chiếu bạc tại chỗ ngồi của D là 2.600.000 đồng. Số tiền D cất trong người là 4.200.000 đồng. Phạm Văn Sang đem theo số tiền 1.300.000 đồng sử dụng để đánh bạc và thắng được 500.000 đồng thu giữ tại chỗ ngồi của Sang số tiền là 1.800.000 đồng. Lương Văn B đem theo 600.000 đồng để đánh bạc thắng được 200.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc số tiền là 800.000 đồng. Lê Quốc L đem theo số tiền là 1.200.000 đồng sử dụng để đánh bạc thắng được 500.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc số tiền là 1.700.000 đồng. Trần Văn S đem theo số tiền là 2.000.000 đồng sử dụng để đánh bạc thua hết 200.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc là 1.800.000 đồng. Lê Văn G đem theo số tiền là 1.000.000 đồng sử dụng hết để đánh bạc thua 200.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc là 800.000 đồng. Thi O đem theo số tiền là 150.000 đồng sử dụng để đánh bạc thua hết 100.000 đồng còn lại 50.000 đồng trên chiếu bạc. Nguyễn Thanh Q đem theo số tiền là 6.500.000 đồng sử dụng hết để đánh bạc thắng được 100.000 đồng. Thu giữ trên chiếu bạc là 6.600.000 đồng. Tăng Văn K1 đem theo số tiền là 700.000 đồng sử dụng để đánh bạc thắng được 300.000 đồng. Thu giữ trên chiếu bạc là 1.000.000 đồng. Lê Viết Thắng đem theo số tiền là 1.600.000 đồng sử dụng để

đánh bạc thắng được số tiền là 200.000 đồng. Thu giữ tại chiếu bạc là 1.800.000 đồng. Nguyễn Mộng F đem theo số tiền là 8.700.000 đồng sử dụng để đánh bạc thua 1.600.000 đồng. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền là 7.100.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên và các bị cáo không có ý kiến gì về thu giữ và xử lý vật chứng như trên.

Bản Cáo trạng số 58/CT-VKSBB ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố các bị cáo về “Tội Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về “Tội Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Trên cơ sở đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Mức hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Hồ Đình T, đề nghị xử phạt bị cáo T từ 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đến 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Văn G, đề nghị xử phạt bị cáo G từ 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thanh Q, đề nghị xử phạt bị cáo Q từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Mộng F, đề nghị xử phạt bị cáo F từ 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đến 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, m, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lương Văn B, đề nghị xử phạt bị cáo B từ 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn D, đề nghị xử phạt bị cáo D từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Thi O, đề nghị xử phạt bị cáo Quốc từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91 và Điều 99 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Tăng Văn K1, đề nghị xử phạt bị cáo K1 từ 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Quốc L, đề nghị xử phạt bị cáo L từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê E, đề nghị xử phạt bị cáo Thắng từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Văn S, đề nghị xử phạt bị cáo S từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 36.050.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc, là công cụ phương tiện dùng để phạm tội. Đề nghị Tòa án tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 bộ bài tây và 01 tấm bìa carton bị can trải xuống dưới sàn để đánh bạc là công cụ phương tiện dùng để phạm tội và không còn giá trị sử dụng. Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 5.700.000 đồng thu giữ trong người các bị cáo dùng để đánh bạc. Đề nghị tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với bị can Phạm Văn S (sinh năm: 1993, trú tại: ấp Tân Bình Hạ, xã Tân Hòa, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp) trong quá trình điều tra bị can đã bỏ trốn khỏi nơi sinh sống. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định truy nã số 01 ngày 17 tháng 01 năm 2022. Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra quyết định tách vụ án hình sự và quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 01 đối với bị can Phạm Văn Sang khi nào bắt được bị can sẽ xử lý sau.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên.

- Người bào chữa cho bị cáo Tăng Văn K1 trình bày tranh luận: Thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát, bị cáo đã khai nhận K1 bộ hành vi phạm tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017. Người bào chữa thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người dân tộc thiểu số đây là các tính tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo. Ngoài

ra, bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91 và Điều 99 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo khung hình phạt thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo Tăng Văn K1 không có tranh luận bổ sung.

- Ý kiến tranh luận của Kiểm sát viên: Viện kiểm sát bảo lưu quan điểm truy tố bị cáo theo Cáo trạng, không có ý kiến gì khác.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày tranh luận: giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Các bị cáo khác không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo T: bị cáo đã hối hận, bị cáo phạm tội lần đầu phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo G: bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là sai, bị cáo còn nuôi hai con nhỏ, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Q: bị cáo sai trái, ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo F: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo B: bị cáo đã sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo D: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo O: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo K1: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo L: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo Thắng: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo S: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận K1 bộ hành vi như Cáo trạng truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai

trong quá trình điều tra, với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử đã có cơ sở xác định: Khoảng 19 giờ 40 phút ngày 11 tháng 9 năm 2021, tại xưởng gia công gỗ của công ty Trách nhiệm hữu hạn Gỗ YU XING các bị cáo gồm Hồ Đình T, Lê Văn G, Nguyễn Thanh Q, Nguyễn Mộng F, Lương Văn B, Nguyễn Văn D, Thi O, Tăng Văn K1, Lê Quốc L, Lê E, Trần Văn S đánh bạc thắng thua bằng tiền bằng hình thức chơi bài cào. Mỗi ván đặt cược 100.000 đồng. Khoảng 20 giờ cùng ngày trong lúc các bị cáo đang đánh bạc thì bị Công an huyện C bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 41.750.000 đồng. Các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, các bị cáo phạm “Tội Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Cáo trạng truy tố là đúng.

[3] Các bị cáo Hồ Đình T, Lê Văn G, Nguyễn Thanh Q, Nguyễn Mộng F, Lương Văn B, Nguyễn Văn D, Thi O, Tăng Văn K1, Lê Quốc L, Lê E và Trần Văn S có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và xem thường pháp luật, xâm phạm đến an toàn trật tự công cộng, trật tự trị an tại địa phương, gây ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của mỗi gia đình trong xã hội, là nguyên nhân phát sinh những tệ nạn khác. Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là hoàn K1 cần thiết.

[4] Vì tư lợi mà các bị cáo đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi bài “Cào rùa” thắng thua bằng tiền. Dù các bị cáo biết rõ hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện là phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử cần xử các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của mỗi bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Bị cáo Tăng Văn K1 phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91 và Điều 99 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo.

[6] Khi Quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo Q định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; ngoài ra gia đình bị cáo Hồ Đình T và Nguyễn Thanh Q có người có công với cách mạng; các bị cáo Lương Văn B, Tăng Văn K1 là người dân tộc thiểu số nên các bị cáo Hồ Đình T, Nguyễn Văn Q, Tăng Văn K1 và Lương Văn B hưởng tình tiết giảm nhẹ theo Q định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[8] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Tăng Văn K1 là có cơ sở một phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đối với bị can Phạm Văn Sang (sinh năm: 1993, trú tại: ấp Tân Bình Hạ, xã Tân Hòa, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp) trong quá trình điều tra bị can đã bỏ trốn khỏi nơi sinh sống. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C ra quyết định truy nã số 01 ngày 17 tháng 01 năm 2022. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra quyết định tách vụ án hình sự và quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 01 đối với bị can Phạm Văn Sang khi nào bắt được bị can sẽ xử lý sau.

[10] Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46 và điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Số tiền 41.750.000 đồng (bốn mươi một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 02 bộ bài tây đã qua sử dụng và 01 tấm bìa carton các bị cáo trải xuống dưới sàn để đánh bạc là công cụ phương tiện dùng để phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[11] Về án phí: mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46 và điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 260, Điều 268, Điều 269 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Mục 1, Phần I Danh mục thu Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Hồ Đình T, Lê Văn G, Nguyễn Thanh Q, Nguyễn Mộng F, Lương Văn B, Nguyễn Văn D, Thi O, Tăng Văn K1, Lê Quốc L, Lê E và Trần Văn S phạm “Tội đánh bạc”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Hồ Đình T, Nguyễn Thanh Q và Lương Văn B.

Xử phạt bị cáo Hồ Đình T 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Q 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Lương Văn B 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Lê Văn G, Nguyễn Mộng F, Nguyễn Văn D, Thi O, Lê Quốc L, Lê E và Trần Văn S.

Xử phạt bị cáo Lê Văn G 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mộng F 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Thi O 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Lê Quốc L 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Lê E 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Trần Văn S 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 91 và Điều 99 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lương Văn B.

Xử phạt bị cáo Tăng Văn K1 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 41.750.000 đồng (bốn mươi một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

(Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam).

Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) bộ bài tây đã qua sử dụng và 01 tấm bìa carton.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01 tháng 7 năm 2022).

3. Về án phí: Mỗi bị cáo Hồ Đình T, Lê Văn G, Nguyễn Thanh Q, Nguyễn Mộng F, Lương Văn B, Nguyễn Văn D, Thi O, Tăng Văn K1, Lê Quốc L, Lê E và Trần Văn S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh D;
- Sở Tư pháp tỉnh D;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- Bị cáo;
- Người có Qền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Công thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai

